

Bản án số: 234/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 8 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Hồ Th Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ cư trú: Ấp Lưu Hoa Th, xã Tân Th, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp Lưu Hoa Th, xã Tân Th, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Kim L; Địa chỉ cư trú: Ấp Lưu Hoa Th, xã Tân Th, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị H và anh Ch chung sống năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Th. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Ch thường xuyên uống rượu về vô cớ chửi chị, chị và anh Ch ly thân khoảng hơn 1 tháng. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ch nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống chị H và anh Ch có 2 con chung tên Lê Minh Th, sinh ngày 17/10/2018 và Lê Minh H, sinh ngày 10/4/2020. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi Lê Minh H, giao Lê Minh Th cho anh Ch nuôi. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung gồm: 01 xe Vario mua năm 2020, trị giá 55.000.000 đồng, giá trị sử dụng còn L khoảng 20.000.000 đồng, chị không yêu cầu định giá tài sản mà thống nhất giao cho anh Ch được hưởng. Tiền mặt 17.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 18k đang do mẹ chồng là bà Đoàn Kim L quản lý, số tài sản này chị H yêu cầu bà L giao L để chị và anh Ch phân chia mỗi người được hưởng 1/2.

- Về nợ: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Lê Văn Ch và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Kim L:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh Ch và bà L không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn Ch và bà Đoàn Kim L đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh Ch và bà L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị H và anh Ch chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Ch thường xuyên uống rượu về vô cớ chửi chị. Chị H xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ch. Anh Ch không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, thể hiện việc anh Ch không có Th chí hòa giải, hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn với anh Ch là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị H thấy rằng: Từ khi chị H và anh Ch ly thân thì các con chị sống cùng anh Ch, chị có yêu cầu được mang cháu Minh H theo nhưng anh Ch và gia đình bên không cho. Anh Ch không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu Minh Th cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh Ch giao cháu Minh H cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu, anh Ch cũng không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Đối với xe Vario giá trị sử dụng còn L khoảng 20.000.000 đồng chị H thống nhất giao cho anh Ch được hưởng, không đặt ra phân chia. Xét

thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Đối với số tiền 17.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 18k theo chị H xác định do mẹ chồng là bà Đoàn Kim L đang quản lý, bà L đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về vấn đề này, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bà L đang quản lý số tài sản chung của chị H và anh Ch là 17.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 18k. Do đó, buộc bà L giao L 17.000.000 đồng và 9 chỉ vàng 18k để phân chia cho chị H và anh Ch mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp.

Về nợ: Chị H xác định không có, anh Ch không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; án phí phân chia tài sản chị H và anh Ch phải chịu 5% trên giá trị tài sản được hưởng (giá vàng 18k tại thời điểm xét xử là 5.960.000 đồng). Cụ thể: anh Ch phải chịu 2.766.000 đồng (55.320.000 đồng x 5% = 2.766.000 đồng); chị H phải chịu 1.766.000 đồng (35.320.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Văn Ch.

- Về con chung: Giao Lê Minh Th, sinh ngày 17/10/2018 cho anh Lê Văn Ch tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Văn Ch giao Lê Minh H, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Trần Thị H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị H và anh Lê Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn Ch được hưởng 01 xe Vario, giá trị sử dụng còn L khoảng 20.000.000 đồng (anh Ch đang quản lý xe), số tiền 8.500.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 18k; chị Trần Thị H được hưởng số tiền 8.500.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 18k. Bà L đang quản lý 17.000.000 đồng và 9 chỉ vàng 24k, buộc bà L có

nghĩa vụ giao L cho anh Ch 8.500.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 18k, giao L cho chị H 8.500.000 đồng và 4,5 chỉ vàng 18k.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001625 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị H đã nộp xong).

- Án phí phân chia tài sản: Chị H phải chịu 1.766.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.117.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001625 ngày 22/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, đối trừ chị H được nhận L 351.000 đồng. Anh Lê Văn Ch phải chịu 2.766.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Th;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai